

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2016/TT-BTC

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VIỆC QUYẾT TOÁN TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ HẰNG NĂM

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày / /2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 23/12/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ Trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm: lập, gửi, xét duyệt quyết toán, thẩm định, thông báo kết quả thẩm định quyết toán và chỉnh lý quyết toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Bộ, ngành, cơ quan trung ương (sau đây gọi là Bộ, ngành trung ương) và Ủy ban nhân dân các cấp; các chủ đầu tư; cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan khác được giao quản lý vốn đầu tư công.

Điều 3. Nguyên tắc quyết toán

1. Số liệu quyết toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm phải chính xác, trung thực, đầy đủ các thông tin về tình hình sử dụng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm.
2. Số liệu đưa vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch hoặc Cơ quan thanh toán vốn.
3. Kết thúc giai đoạn trung hạn, hằng năm, các Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp; các chủ đầu tư; cơ quan tài chính và các cơ quan khác được giao quản lý vốn đầu tư công thực hiện việc lập, gửi, xét duyệt quyết toán, thẩm định quyết toán và thông báo kết quả thẩm

định quyết toán, chỉnh lý quyết toán theo nội dung, nguyên tắc, thời hạn quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Các loại nguồn vốn đầu tư công đưa vào báo cáo quyết toán

1. Các loại nguồn vốn đầu tư công đưa vào báo cáo quyết toán, bao gồm:

a) Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn đầu tư của ngân sách trung ương cho Bộ, ngành trung ương; vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương; Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn đầu tư nguồn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương; vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết đến trước thời điểm Luật ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015 có hiệu lực; nguồn thu từ chuyển mục đích, chuyển quyền sử dụng đất của Bộ, ngành trung ương và địa phương chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước; Khoản vốn vay của chính quyền cấp tỉnh được hoàn trả bằng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương).

b) Vốn đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, gồm: Khoản phí, lệ phí được để lại đầu tư của Bộ, ngành trung ương và địa phương; Tiền lãi dầu khí của nước chủ nhà từ hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC), lợi nhuận được chia từ liên doanh dầu khí và tiền đọc tài liệu dầu khí; Nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập để lại cho đầu tư; Vốn đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước được thu lại hoặc trích lại để đầu tư; Nguồn thu của tổ chức tài chính, bảo hiểm xã hội được trích lại để đầu tư dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Bộ, ngành trung ương và địa phương.

2. Đối với vốn đầu tư được cơ quan có thẩm quyền cho phép ứng trước dự toán ngân sách năm sau thì không yêu cầu lập báo cáo quyết toán trong năm đối với nguồn vốn này, nhưng lập báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán trong năm để cơ quan tài chính các cấp theo dõi và quản lý theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. QUY ĐỊNH VỀ QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG HÀNG NĂM

Điều 5. Thời hạn khóa sổ lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công hằng năm

Kết thúc năm ngân sách, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trong năm thực hiện khóa sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán theo quy định. Thời hạn khóa sổ để lập báo cáo quyết toán là cuối ngày 31 tháng 12 năm kế hoạch.

Điều 6. Nội dung báo cáo quyết toán vốn đầu tư công hằng năm

1. Các loại kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện lập báo cáo quyết toán năm, gồm:

a) Vốn đầu tư công được Nhà nước giao kế hoạch trong năm.

b) Vốn đầu tư công thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau thực hiện và thanh toán.

2. Vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán năm, bao gồm:

a) Đối với kế hoạch được giao trong năm:

Tổng số vốn đã thanh toán trong năm của từng dự án, bao gồm: Vốn thanh toán cho khối lượng hoàn thành; vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu, ghi chi hay thanh toán bằng ngoại tệ từ ngày 01 tháng 01 năm kế hoạch đến hết thời hạn khóa sổ.

Trường hợp trong kế hoạch vốn đầu tư được giao có bố trí để thu hồi số vốn đã được ứng trước dự toán của các dự án, số vốn quyết toán là tổng số vốn đã giải ngân thực tế của kế hoạch đã ứng trước và được bố trí vốn để thu hồi trong năm.

** Ví dụ 1: Dự án A được ngân sách nhà nước ứng trước dự toán ngân sách trong năm 2015 là 10 tỷ đồng. Kế hoạch vốn đầu tư năm 2016 của dự án được bố trí 30 tỷ đồng, trong đó thu hồi vốn ứng là 10 tỷ đồng (thu hồi vốn ứng theo kết quả giải ngân thực tế). Tuy nhiên, kết quả giải ngân thực tế của kế hoạch vốn bố trí để thu hồi vốn ứng trước chỉ là 8 tỷ đồng (trong đó thanh toán khối lượng hoàn thành là 5 tỷ đồng; tạm ứng theo chế độ là 3 tỷ đồng), theo số liệu trên thì kế hoạch vốn còn lại của dự án được thanh toán trong năm 2016 là 22 tỷ đồng (trong năm 2016 thanh toán khối lượng hoàn thành là 20 tỷ đồng; tạm ứng theo chế độ là 2 tỷ đồng). Như vậy số vốn được đưa vào quyết toán trong năm 2016 của dự án A cho phần vốn đã giải ngân là 30 tỷ đồng.*

b) Đối với vốn thuộc kế hoạch các năm trước được phép chuyển sang năm kế hoạch thực hiện và thanh toán: Tổng số vốn đã thanh toán trong năm của từng dự án, bao gồm: Vốn thanh toán cho khối lượng hoàn thành; vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, kể cả thanh toán bằng hình thức ghi thu, ghi chi hay thanh toán bằng ngoại tệ từ ngày 01 tháng 01 năm kế hoạch đến hết thời hạn khóa sổ.

3. Đối với số dư vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chưa đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của các năm trước được chuyển sang ngân sách các năm sau theo dõi việc thu hồi theo quy định.

4. Số liệu báo cáo quyết toán phải được phản ánh chi tiết theo nguồn vốn, trong đó chi tiết vốn trong nước và vốn ngoài nước (nếu có).

Báo cáo quyết toán vốn ngoài nước (ODA) và vốn CK thuộc nguồn ngân sách nhà nước được thực hiện như sau:

Đối với các Bộ, ngành trung ương: trước khi gửi báo cáo quyết toán niên độ ngân sách năm cho Bộ Tài chính, các Bộ, ngành phải đối chiếu, rà soát số liệu với Kho bạc Nhà nước trung ương, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại), đảm bảo số liệu của đơn vị và Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) đã được đối chiếu đầy đủ và khớp đúng. Số vốn ngoài nước đưa vào quyết toán niên độ ngân sách năm là số vốn đã được Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) thực hiện ghi thu, ghi chi và chịu trách nhiệm về số liệu, tính chính xác của số vốn ngoài nước đưa vào quyết toán năm.

Đối với Ủy ban nhân dân các cấp: các Sở, ban, ngành của địa phương phải đối chiếu, rà soát với Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) trước khi gửi Sở Tài chính báo cáo quyết toán niên độ ngân sách năm, đảm bảo khi gửi báo cáo quyết toán cho Sở Tài chính số liệu của đơn vị và Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) đã được đối chiếu đầy đủ và khớp đúng.

Trường hợp dự án áp dụng cơ chế vốn ngoài nước được thanh toán như vốn trong nước thì quyết toán vào vốn ngoài nước và ghi chú rõ: vốn ngoài nước được thanh toán như vốn trong nước.

4. Phần thuyết minh:

a) Đối với chủ đầu tư: báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn đầu tư công được Nhà nước giao trong năm; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư.

b) Đối với cơ quan cấp trên chủ đầu tư, các Bộ, ngành trung ương, các Sở, ban, ngành địa phương: Báo cáo tổng quát tình hình thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn đầu tư công được Nhà nước giao trong năm; thuyết minh các tồn tại, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện kế hoạch, thanh toán, quyết toán vốn so với kế hoạch được giao, trong đó nêu rõ việc tăng giảm kế hoạch vốn đầu tư; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến quản lý vốn đầu tư.

c) Đối với cơ quan Kho bạc Nhà nước:

Báo cáo tổng quát đặc điểm, tình hình thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công được Nhà nước giao trong năm.

Đề xuất và kiến nghị tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến công tác quyết toán nguồn vốn đầu tư công hàng năm cũng như công tác quản lý vốn đầu tư.

d) Chủ đầu tư, cơ quan cấp trên chủ đầu tư, các Bộ, ngành trung ương, các Sở, ban, ngành địa phương: Báo cáo tình hình thực hiện Kết luận kiểm toán các dự án đầu tư được kiểm toán trong năm quyết toán của các đơn vị, báo cáo rõ số vốn đã nộp hoàn trả ngân sách nhà nước, số vốn đã thu hồi do chi sai của các nhà thầu, số vốn còn lại chưa thực hiện thu hồi, nộp hoàn trả ngân sách nhà nước theo kết luận Kiểm toán Nhà nước.

5. Phần số liệu:

a) Đối với chủ đầu tư thực hiện các biểu (ban hành kèm theo Thông tư này):

Biểu số 01/CĐT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách năm (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Biểu số 02/CĐT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công khác (như: nguồn cấp bù lãi suất và phí quản lý tín dụng đầu tư của Nhà nước; vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp công ích quốc phòng, tiền lãi dầu khí của nước chủ nhà được để lại cho đầu tư,...).

Biểu số 03/CĐT về báo cáo kế hoạch và thanh toán nguồn vốn đầu tư công - Ứng trước dự toán ngân sách năm sau (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Biểu số 04/CĐT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Biểu số 05/CĐT về Bảng xác nhận số liệu thanh toán vốn đầu tư công (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Chủ đầu tư phải đối chiếu, xác nhận số liệu về kế hoạch và vốn đã thanh toán với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (hoặc cơ quan thanh toán vốn) theo mẫu biểu số 05/CĐT trước khi lập báo cáo quyết toán năm. Đối với ngân sách cấp xã, Kho bạc Nhà nước phối hợp với UBND xã rà soát, đối chiếu, bảo đảm khớp đúng số liệu giữa Kho bạc Nhà nước và kế toán xã. Kết quả đối chiếu là cơ sở để UBND xã báo cáo quyết toán ngân sách xã.

b) Đối với cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của chủ đầu tư, các Bộ, ngành trung ương, các Sở, ban, ngành địa phương thực hiện các biểu (ban hành kèm theo Thông tư này):

Biểu số 01/CQTH về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách năm (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Biểu số 02/CQTH về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công khác (như: nguồn cấp bù lãi suất và phí quản lý tín dụng đầu tư của Nhà nước; vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp công ích quốc phòng, tiền lãi dầu khí của nước chủ nhà được để lại cho đầu tư,...).

Biểu số 03/CQTH về báo cáo kế hoạch và thanh toán nguồn vốn đầu tư công - Ứng trước dự toán ngân sách năm sau (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Biểu số 04/CQTH về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công giai đoạn trung hạn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

c) Đối với Kho bạc Nhà nước các cấp thực hiện các biểu (ban hành kèm theo Thông tư này):

Biểu số 01/KBQT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách nhà nước năm của các Bộ, ngành trung ương, địa phương - chi tiết theo nguồn và đơn vị, do Kho bạc Nhà nước tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Biểu số 02/KBQT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách nhà nước năm của các Bộ, ngành trung ương - tổng hợp theo đơn vị và chi tiết đến dự án, do Kho bạc Nhà nước tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Biểu số 03/KBQT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách nhà nước năm của các tỉnh, thành phố - tổng hợp theo đơn vị và chi tiết đến dự án, do Kho bạc Nhà nước tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Biểu số 04/KBQT về báo cáo kế hoạch và thanh toán vốn nguồn vốn đầu tư công - Ứng trước dự toán ngân sách năm sau (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Biểu số 05/KBQT về báo cáo tổng hợp thanh toán vốn đầu tư công theo Mục lục ngân sách nhà nước. Biểu này do Kho bạc Nhà nước và các đơn vị nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Riêng đối với các đơn vị nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền: thực hiện các biểu mẫu 01/CĐT; 02/CĐT; 03/CĐT, 04/CĐT, 05/CĐT và 01/CQTH, 02/CQTH; 03/CQTH, 04/CQTH nêu trên và

các biểu số 01/KBQT; 02/KBQT; 03/KBQT; 04/KBQT về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công được giao theo niên độ ngân sách năm; biểu số 05/KBQT về báo cáo tổng hợp thanh toán vốn đầu tư công theo mục lục ngân sách. Khi lập báo cáo quyết toán niên độ ngân sách năm đề nghị tách riêng 01 biểu đối với vốn cấp thẳng.

Điều 7. Trình tự lập, gửi, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công hằng năm

1. Đối với vốn do các Bộ, ngành trung ương quản lý:

a) Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán năm, gửi Bộ, ngành trung ương. Các Bộ, ngành xét duyệt quyết toán của các chủ đầu tư; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm gửi Bộ Tài chính.

b) Trường hợp các Bộ, ngành trung ương đã phân cấp quản lý, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán năm gửi cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của chủ đầu tư; cơ quan cấp trên của chủ đầu tư xét duyệt quyết toán của các chủ đầu tư và tổng hợp quyết toán các dự án thuộc phạm vi phân cấp quản lý gửi Bộ, ngành để tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm gửi Bộ Tài chính.

Trường hợp báo cáo quyết toán năm của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư hoặc Bộ, ngành, yêu cầu chủ đầu tư giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót, hoàn chỉnh lại báo cáo hoặc lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Đồng thời yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

c) Kho bạc Nhà nước tổng hợp báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công do Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán, gửi Bộ Tài chính.

d) Bộ Tài chính thẩm định và ra thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm gửi các Bộ, ngành trung ương.

2. Đối với vốn do địa phương quản lý:

2.1. Nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh quản lý:

a) Chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán năm, gửi các sở, ban, ngành cấp tỉnh, thành phố được phân cấp quản lý.

b) Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xét duyệt quyết toán của các chủ đầu tư thuộc trách nhiệm quản lý; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán năm gửi Sở Tài chính.

Trường hợp báo cáo quyết toán năm của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương yêu cầu chủ đầu tư giải trình hoặc cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh những sai sót, hoàn chỉnh lại báo cáo hoặc lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Đồng thời yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

c) Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công do Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán, gửi Sở Tài chính.

d) Sở Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn; Thông báo kết quả thẩm định quyết toán ngân sách các đơn vị dự toán cấp I thuộc

cấp mình gửi các sở, ban, ngành và Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, gửi Ban Kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để thẩm tra. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

đ) Chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo quyết toán cho Bộ Tài chính và Kiểm toán Nhà nước để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2.2. Nguồn vốn do ngân sách cấp quận, huyện (sau đây gọi tắt là huyện), xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) quản lý:

a) Đề phù hợp với đặc điểm tổ chức và phân cấp của từng địa phương, căn cứ các quy định tại Thông tư này, Sở Tài chính trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định trình tự lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật.

b) Kho bạc Nhà nước huyện tổng hợp, lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công do Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Ủy ban nhân dân xã (phần cấp xã quản lý).

Điều 8. Nội dung xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư công hằng năm

1. Đối với các cơ quan cấp trên của chủ đầu tư:

a) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng về kế hoạch vốn, danh mục, tên dự án và vốn thanh toán (bao gồm: tạm ứng theo chế độ; thanh toán khối lượng hoàn thành) của từng dự án thuộc kế hoạch được giao trong năm.

b) Kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng về kế hoạch, danh mục, tên dự án và vốn thanh toán (bao gồm: tạm ứng theo chế độ; thanh toán khối lượng hoàn thành) của từng dự án thuộc kế hoạch năm trước được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán.

c) Kiểm tra, so sánh số vốn thanh toán với số vốn kế hoạch của từng dự án; xác định số vốn được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán; số kế hoạch vốn hủy bỏ.

d) Kiểm tra sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn của các dự án.

đ) Kiểm tra, tổng hợp dự án hoàn thành (bao gồm cả các hạng mục, tiểu dự án hoặc dự án thành phần hoàn thành thuộc các dự án nhóm A, dự án quan trọng quốc gia) trong năm kế hoạch.

e) Nhận xét về tình hình thực hiện, thanh toán và quyết toán vốn trong năm, tình hình chấp hành chế độ chính sách và tình hình khác.

g) Yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ.

h) Các nhận xét khác.

2. Đối với cơ quan tài chính:

a) Kiểm tra, xác định sự phù hợp về tổng nguồn vốn, cơ cấu vốn trong báo cáo quyết toán của các Bộ, ngành, địa phương và báo cáo tổng hợp quyết toán của Kho bạc Nhà nước.

b) Kiểm tra, xác định sự phù hợp về danh mục dự án giữa báo cáo quyết toán của các Bộ, ngành, địa phương và Kho bạc Nhà nước cùng cấp.

c) Kiểm tra, so sánh kế hoạch vốn và số vốn thanh toán của từng dự án giữa báo cáo quyết toán của các Bộ, ngành, địa phương và Kho bạc Nhà nước cùng cấp; xác định số vốn được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán; số kế hoạch vốn huỷ bỏ.

d) Các nhận xét khác.

3. Đối với nguồn vốn đầu tư công khác như: nguồn cấp bù lãi suất và phí quản lý tín dụng đầu tư của Nhà nước; vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp công ích quốc phòng, tiền lãi dầu khí của nước chủ nhà được để lại cho đầu tư...các đơn vị lập báo cáo quyết toán tình hình sử dụng nguồn vốn được giao trong năm theo mẫu biểu quy định tại Thông tư này gửi Bộ Tài chính để tổng hợp vào báo cáo quyết toán năm theo quy định.

Điều 9. Thời hạn gửi báo cáo, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán vốn đầu tư công hằng năm

1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán năm:

1.1. Đối với vốn do các Bộ, ngành trung ương quản lý:

a) Chủ đầu tư gửi báo cáo quyết toán năm cho cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý chủ đầu tư trước ngày 01 tháng 4 năm sau.

b) Các Bộ, ngành trung ương gửi quyết toán năm cho Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 10 năm sau.

1.2. Đối với vốn do địa phương quản lý: Thời hạn gửi và thẩm định báo cáo quyết toán do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, nhưng phải đảm bảo thời gian tổng hợp, lập, gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

1.3. Kho bạc Nhà nước tổng hợp, lập và gửi báo cáo quyết toán năm: trước ngày 15 tháng 3 năm sau (đối với ngân sách cấp xã, ngân sách cấp huyện); trước ngày 30 tháng 6 năm sau (đối với ngân sách cấp tỉnh và ngân sách trung ương).

2. Thời hạn thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo chế độ quy định), cơ quan tài chính phải hoàn thành việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định quyết toán năm đối với từng cơ quan, đơn vị cùng cấp và các đơn vị trực thuộc theo mẫu số 01/TBTĐ (ban hành kèm theo Thông tư này).

Mục 2. QUY ĐỊNH VỀ QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN

Điều 10. Các loại nguồn vốn đầu tư công được đưa vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trung hạn

Các loại nguồn vốn đầu tư công được đưa vào báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trung hạn như quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Thông tư này.

Điều 11. Thời hạn khóa sổ lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trung hạn

1. Thời hạn khoá sổ để lập báo cáo quyết toán trung hạn là cuối ngày 31 tháng 12 năm cuối của giai đoạn thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn (gồm ngân sách trung ương, ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã).

2. Kết thúc năm cuối của giai đoạn trung hạn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch trung hạn thực hiện khoá sổ kế toán và lập báo cáo quyết toán trung hạn theo quy định.

Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho phép kéo dài thời hạn thanh toán sau thời hạn khoá sổ nêu trên, thì số vốn thanh toán sau thời hạn khoá sổ được quyết toán vào ngân sách nhà nước năm sau.

Điều 12. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trung hạn

Thời hạn lập và gửi báo cáo quyết toán tình hình nhận và sử dụng các nguồn vốn đầu tư công trung hạn được thực hiện cùng với thời hạn thực hiện việc lập và gửi báo cáo quyết toán năm cuối cùng của kế hoạch đầu tư công trung hạn (theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 của Thông tư này). Cơ quan Tài chính tổng hợp báo cáo theo quy định.

Điều 13. Nội dung báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trung hạn

1. Các loại kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện lập báo cáo quyết toán trung hạn, gồm:

a) Vốn đầu tư công được Nhà nước giao trong kế hoạch trung hạn.

b) Vốn đầu tư công thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển sang năm sau thực hiện và thanh toán (chỉ tính kế hoạch của các năm thuộc kế hoạch trung hạn).

2. Vốn thanh toán được đưa vào báo cáo quyết toán trung hạn là tổng hợp số vốn đã thanh toán hàng năm trong giai đoạn trung hạn đã được cơ quan tài chính các cấp thẩm định (bao gồm: vốn tạm ứng theo chế độ và thanh toán khối lượng hoàn thành). Riêng kế hoạch năm cuối cùng của kế hoạch trung hạn, các đơn vị tổng hợp theo số liệu báo cáo quyết toán năm cuối sau khi đã đối chiếu số liệu đảm bảo khớp đúng với Kho bạc Nhà nước, cơ quan thanh toán vốn và Bộ Tài chính (Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại) đối với các đơn vị có vốn ODA và vốn CK gửi cơ quan tài chính.

Đối với trường hợp cơ quan tài chính có ý kiến thẩm định số liệu báo cáo còn chênh lệch cần chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung. Đề nghị các đơn vị lập báo cáo chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung báo cáo quyết toán gửi lại cơ quan tài chính sau 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của cơ quan tài chính.

3. Phần thuyết minh: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 6 của Thông tư này.

4. Phần số liệu:

a) Đối với chủ đầu tư thực hiện báo cáo theo mẫu Biểu số 04/CĐT (ban hành kèm theo Thông tư này) về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công trung hạn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác).

b) Đối với cơ quan cấp trên được phân cấp quản lý của chủ đầu tư, các Bộ, ngành trung ương, các Sở, ban, ngành địa phương thực hiện báo cáo theo mẫu Biểu số 04/CQTH (ban hành kèm theo Thông tư này) về báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công trung hạn (bao gồm: nguồn

ngân sách nhà nước, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, vốn đầu tư từ nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, các nguồn đầu tư công khác...).

Riêng đối với các đơn vị nhận vốn bằng hình thức lệnh chi tiền: thực hiện theo các biểu mẫu 04/CĐT và 04/CQTH nêu trên. Khi lập báo cáo quyết toán giai đoạn trung hạn đề nghị tách riêng 01 biểu đối với vốn cấp thẳng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư, các cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, các cơ quan trung ương và địa phương

1. Chịu trách nhiệm về số liệu được đưa vào báo cáo quyết toán trung hạn và hằng năm; tổng hợp, lập, thẩm định báo cáo quyết toán theo hướng dẫn của Thông tư này và gửi cơ quan tài chính đồng cấp đúng thời hạn quy định.
2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ khi nhận được thông báo kết quả thẩm định quyết toán của cơ quan tài chính), có trách nhiệm thực hiện và có văn bản giải trình về các kiến nghị trong thông báo thẩm định quyết toán gửi cơ quan tài chính.
3. Cơ quan cấp trên chủ đầu tư chịu trách nhiệm xử lý các số liệu chênh lệch của từng dự án. Riêng số liệu thanh toán, phải được đối chiếu, khớp đúng với số liệu của Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan thanh toán.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan tài chính các cấp

1. Trên cơ sở báo cáo quyết toán năm do các đơn vị dự toán cấp I và Kho bạc Nhà nước các cấp lập, cơ quan tài chính thực hiện việc thẩm định, thông báo kết quả thẩm định và tổng hợp vào quyết toán ngân sách nhà nước các cấp theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật. Khi thẩm định quyết toán, cơ quan tài chính có quyền yêu cầu các đơn vị dự toán cấp I, cơ quan tài chính cấp dưới bổ sung thông tin, số liệu cần thiết cho việc thẩm định quyết toán; yêu cầu cơ quan có trách nhiệm yêu cầu nộp các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, đồng thời yêu cầu cơ quan báo cáo quyết toán điều chỉnh lại số liệu quyết toán nếu có sai sót.
2. Trường hợp không nhận được đầy đủ các báo cáo quyết toán (kể cả báo cáo điều chỉnh, bổ sung, giải trình về các kiến nghị trong thông báo thẩm định quyết toán năm của cơ quan tài chính) do đơn vị dự toán cấp I (hoặc đơn vị cấp dưới trực thuộc, các chủ đầu tư) không thực hiện đúng quy định về chế độ báo cáo quyết toán năm:
 - a) Để đảm bảo thời gian quyết toán ngân sách các cấp theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, căn cứ báo cáo quyết toán năm của Kho bạc Nhà nước, cơ quan tài chính kiểm tra, tổng hợp vào quyết toán ngân sách nhà nước các cấp.
 - b) Cơ quan Tài chính có quyền tạm đình chỉ hoặc yêu cầu Kho bạc Nhà nước, cơ quan thanh toán tạm đình chỉ việc thanh toán vốn đầu tư cho tới khi nhận được báo cáo quyết toán, đồng thời có văn bản thông báo để đơn vị biết và phối hợp thực hiện.
3. Trường hợp đã nhận được báo cáo quyết toán (kể cả báo cáo điều chỉnh, bổ sung, giải trình về các kiến nghị trong thông báo thẩm định quyết toán năm của cơ quan tài chính), nhưng có chênh lệch số liệu giữa báo cáo của các đơn vị dự toán cấp I và Kho bạc Nhà nước hoặc Cơ quan thanh

toán, Cơ quan tài chính căn cứ báo cáo quyết toán của Kho bạc Nhà nước để thẩm định và tổng hợp vào quyết toán ngân sách nhà nước các cấp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

Đối với quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách năm 2015 tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.
2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.
3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao; Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; các Tổng Công ty, Tập Đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính; KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT, (600).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Huỳnh Quang Hải

Mẫu số 01/TBTD.

Bộ, Sở, Phòng Tài chính....

Số: /20.../TB -

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày tháng năm 20...

THÔNG BÁO

Thẩm định quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách năm 20...

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BTC ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách hằng năm.

Sau khi tiến hành thẩm định báo cáo quyết toán các nguồn vốn đầu tư công theo niên độ ngân sách năm 20... của; Tài chính có ý kiến như sau:

1- Nhận xét chung:

- Về công tác quyết toán năm;
- Về việc chấp hành thời gian gửi báo cáo và các nội dung, biểu mẫu báo cáo.

2- Về nội dung cụ thể:

2.1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước:

- Xác định sự phù hợp về tổng nguồn vốn, cơ cấu vốn trong báo cáo quyết toán của các Bộ, ngành, địa phương và Kho bạc Nhà nước.
- Xác định, so sánh danh mục dự án giữa báo cáo quyết toán của các Bộ, ngành, địa phương và Kho bạc Nhà nước cùng cấp.
- Xác định, so sánh kế hoạch vốn và số vốn thanh toán của từng dự án giữa báo cáo quyết toán của các Bộ, ngành, địa phương với Kho bạc Nhà nước cùng cấp, *Cục Quản lý Nợ và TCDN (đối với vốn ODA và CK)*. Xác định số vốn được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán; số kế hoạch vốn huỷ bỏ.
- Xác định số vốn quyết toán năm.
- Các nhận xét khác.

2.2. Vốn đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ:

(nhận xét các nội dung tương tự như đối với mục 2.1)

- Các nhận xét khác.

(Chi tiết theo biểu số liệu đính kèm).

2.3. Nguồn thu để lại chưa đưa vào cân đối trong NSNN (nếu có):

(nhận xét các nội dung tương tự như đối với mục 2.1)

2.4. Nguồn vốn đầu tư công khác (nếu có)

(nhận xét các nội dung tương tự như đối với mục 2.1)

3- Kiến nghị:

4- Cơ quan cấp trên chủ đầu tư chịu trách nhiệm đối chiếu, xử lý các số liệu chênh lệch của từng dự án (nếu có); số liệu thanh toán, phải khớp đúng với số liệu của Kho bạc Nhà nước và *Cục Quản lý Nợ và Tài chính Đối ngoại - Bộ Tài chính (đối với phần vốn ODA và vốn CK)*.

Thủ trưởng cơ quan Tài chính
(Ký tên, đóng dấu)

